

Số: 07/2025/QĐST - DS

*Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 7, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 và anh Nguyễn Mạnh P, sinh năm 1974; Điều cư trú: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ).

Đại diện theo uỷ quyền của anh P: Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Cư trú: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) - là vợ anh P. Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/10/2025.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945; Trú tại: Khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ  
Đại diện theo uỷ quyền của ông T: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1982; Trú tại: Khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là: Khu C, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ)- là con ông T. Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2025.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hai bên thống nhất ông Nguyễn Văn T còn nợ vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Mạnh P số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ tháng 01/2024 đến ngày 02/12/2025, theo lãi xuất 1%/tháng là 34.500.000đồng (ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền nợ

cả gốc, lãi là 184.500.000 đồng (một trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Phương án trả nợ hai bên thỏa thuận: Trong 01 tháng, hạn cuối đến ngày 02/01/2026, ông T sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 184.500.000 đồng (một trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H, anh P. Nếu sai hẹn như thỏa thuận, chị H, anh P có quyền làm đơn đề nghị thi hành án toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi. Thống nhất không tính lãi trong quá trình thỏa thuận trả nợ. Chỉ tính tiếp phần lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm làm đơn đề nghị thi hành án (nếu phải thi hành án).

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn  $\frac{1}{2}$  phần án phí là 2.306.250đ (hai triệu ba trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), vì là người cao tuổi. Ông T phải chịu phần án phí tự nguyện chịu thay chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Mạnh P là 2.306.250đ (hai triệu ba trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002993 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 2, Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trịnh Đình Yên**

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng N - chi nhánh T3 do ông Hoàng Minh T2 là đại diện theo ủy quyền và anh Nguyễn Duy C, chị Phạm Thị L cũng thành viên vạ thỏỏ thuỏỏ vớ nhau nh sau: Vợ chồng anh Nguyễn Duy C và chị Phạm Thị L còn nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2018 là: 270.946.442 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) (Trong đó: Tiền nợ gốc là: 250.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 22/01/2018 là: 20.946.442 đồng). Anh C và chị L đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số: 01/2016/HĐTC đã ký kết ngày 23/8/2016 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh T3 và anh Nguyễn Duy C, chị Phạm Thị L là : Quyền sử dụng đất số CD 846071, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 56, diện tích 100,7m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị do UBND thành phố V cấp ngày 27/7/2016 đứng tên anh Nguyễn Duy C. Địa chỉ tài sản: khu H, phường B, Tp ., tỉnh Phú Thọ, để phát mại thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản nếu dư nhiều hơn so với số tiền nợ gốc và lãi của Ngân hàng tại thời điểm phát mại thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh C và chị L số tiền dư đó, nếu số tiền phát mại tài sản thiếu so với số tiền nợ gốc và lãi của Ngân hàng tại thời điểm phát mại thì anh C và chị L phải có nghĩa vụ trả nợ đủ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu cho Ngân hàng tại thời điểm phát mại tài sản. Mọi chi phí thực hiện thủ tục phát mại tài sản anh C và chị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phát mại theo quy định (Chi phí phát mại tài sản được trừ từ tiền phát mại tài sản).

Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Duy C ,chị Phạm Thị L tự nguyện nhận chịu 6.773.661<sup>đ</sup> (*Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 (người nộp thay là Phùng Thị Tuyết C1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 6.500.000<sup>đ</sup> (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003146 ngày 09/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP; Tỉnh;
- Chi cục THA DS TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Kim Dung**

vợ chồng bà có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 01/2011/HĐ ngày 24/02/2011; Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 03/2011/HĐ ngày 27/6/2011; Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 04/2011/HĐ ngày 15/7/2011 và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T3 để cho Công ty TNHH D vay vốn sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH D đã không trả được nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty được trả nợ dần các khoản còn nợ và trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì vợ chồng bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

+ **Anh Nguyễn Trí C2 trình bày:** Công ty TNHH D có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, anh có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số

02/2010/HĐ ngày 25/8/2010 và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T3 để cho Công ty TNHH D vay vốn sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH D đã không trả được nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện, anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty được trả nợ dần các khoản còn nợ và trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì tôi sẽ có nghĩa vụ trả nợ tương ứng với tài sản thế chấp tại Ngân hàng.

+ **Anh Lê Ngọc M trình bày:** Công ty TNHH D có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, anh có ký Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số 01/2011/HĐ ngày 10/10/2011 và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T3 để cho Công ty TNHH D vay vốn sản xuất kinh doanh.

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).